

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ - ST

Ngày 29/01/2018.

“V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Thanh Trương;
2/ Ông Lê Duy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Dung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29/01/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2017/TLST – HNGĐ, ngày 06 tháng 10 năm 2017 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2017/QĐXXST- HNGĐ, ngày 27/12/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2018/QĐST – HNGĐ, ngày 15/01/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị T

Bị đơn: Anh Trần Văn Đ

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

(Chị T có mặt tại phiên tòa, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa lần 2 (hai) không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/9/2017 và các lời khai tại Tòa nguyên đơn là chị Võ Thị T trình bày:

Chị Võ Thị T và anh Trần Văn Đ kết hôn ngày 16/10/2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc bên gia đình chồng ở xã Đ, huyện M. Tháng 5/2016 chồng chị chuyển công tác vào Bình Định, chị ở nhà sinh con, khi chị sinh con anh không về, ngày con tròn tháng anh về một lần, tháng 12/2016 anh Đ chuyển công tác về lại Quảng Ngãi nhưng anh cũng rất ít về thăm con, hơn thế nữa, anh Đ còn thừa nhận với chị anh có tình cảm với một người phụ nữ khác và người phụ nữ đó có gửi hình ảnh thể

hiện có quan hệ tình cảm với anh Đ cho chị, chồng chị biết việc người phụ nữ đó làm nhưng không bảo vệ vợ con. Vì thấy không thể tiếp tục sống chung với anh Đ được nữa nên ngày 19/6/2017 chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, được gia đình động viên, Tòa án hòa giải và nghĩ đến con nên chị đã rút đơn khởi kiện, nhưng từ đó đến nay anh Đ không thay đổi vẫn qua lại với người phụ nữ đó, hiện chị và anh Đ không sống chung với nhau nữa, anh Đ làm việc ở Quảng Ngãi, chị sống và làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh, không ai còn quan tâm đến nhau, vì vậy, nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có một con chung tên Trần Thảo N, sinh ngày 09/5/2016, hiện nay con đang ở với chị, khi ly hôn chị có nguyện vọng tiếp tục được nuôi con và yêu cầu anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Trần Văn Đ: Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng anh Đức không có mặt tại Tòa án, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cung cấp chứng cứ cho Tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của chị T là có cơ sở, theo đó cho chị T được ly hôn anh Đức; giao con chung tên Trần Thảo N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ cấp dưỡng tiền cho con mỗi tháng 1.000.000đ; về tài sản chung, nợ chung: Không có. Ngoài ra, đương sự còn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt cho anh Đ các văn bản tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Đ đều không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

Mặc dù, anh Đ biết Tòa án đang giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình mà anh là bị đơn nhưng vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không thực hiện nghĩa vụ chứng minh, anh Đ phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại

Khoản 2 và Khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án và đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Võ Thị T và anh Trần Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào ngày 16/10/2013. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Đ là hợp pháp.

Về tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng: Khi chị T sinh con, anh Đ có mối quan hệ với một người phụ nữ khác, chị và gia đình đã nhiều lần khuyên can nhưng anh Đ không nghe nên từ tháng 2/2017 chị T đã không sống chung với anh Đ, chị T ở Sài Gòn, anh Đ ở Quảng Ngãi, không ai quan tâm đến ai, điều đó chứng tỏ cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc cho anh chị, tình trạng hôn nhân của chị T, anh Đ đã trở nên trầm trọng, kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị T và anh Đ có một con chung tên Trần Thảo N, sinh ngày 09/5/2016, khi ly hôn chị T có nguyện vọng tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền cho con mỗi tháng là 1.000.000đ. Hội đồng xét xử nhận thấy, chị T đang nuôi con, cháu N còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) nên cần sự chăm sóc của mẹ để đảm bảo sự phát triển bình thường về mọi mặt cho cháu. Vì vậy, nguyện vọng xin nuôi con của chị T là có căn cứ theo quy định tại Khoản 2, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên cần giao cháu N cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Việc chị T yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung là chính đáng và hợp pháp, chị T yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng là phù hợp với thực tế vì thời gian chị T và anh Đ sống ly thân, mỗi tháng anh Đ đều có gửi 1.000.000đ cho chị nuôi con. Vì vậy, yêu cầu của chị là có căn cứ được chấp nhận, theo đó anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con Trần Thảo N, sinh ngày 09/5/2016 mỗi tháng 1.000.000đ. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (29/01/2018) cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 6, Khoản 5,6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; chị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Đ phải chịu 300.000đ án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, 227, 228, 235, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị T.

Chị Võ Thị T được ly hôn anh Trần Văn Đ.

[2] Về con chung: Giao cháu Trần Thảo N, sinh ngày 09/5/2016 cho chị Võ Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng cho con: Anh Trần Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Trần Thảo N với số tiền cấp dưỡng định kỳ hàng tháng là 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (29/01/2018) cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có

[4] Về án phí: Chị Võ Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000878, ngày 06/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Quảng Ngãi nên được khấu trừ xong.

Anh Trần Văn Đ phải chịu tiền án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật

Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mộ Đức;
- Các đương sự;
- UBND xã Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Vân

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Trương

Lê Duy

Nguyễn Thị Bích Vân

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thanh Sơn Đặng Văn Minh

Nguyễn Thị Bích Vân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

